

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2021

Về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thanh Thúy

2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký ghi biên bản: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất: không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 400/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1981 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Các đương sự cùng địa chỉ: Ấp Hòn Đất, xã TS huyện HD, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn xin ly hôn, anh Nguyễn Hữu T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị N quen biết, tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2002, hai bên có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Thời gian chung sống vợ chồng ông bà sinh

được 02 người con chung tên Nguyễn Trần N Khôi, sinh ngày 26/5/2003 và Nguyễn Trần T Nghi, sinh ngày 14/9/2007.

Về mâu thuẫn gia đình: Ông T cho rằng từ năm 2019 tình cảm vợ chồng có dấu hiệu rạn nứt, N nhân do hai bên bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi, làm cho không khí gia đình ngày càng căng thẳng không thể giải quyết được. Từ đó dẫn đến việc hai vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay.

Do cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N để mỗi người có cuộc sống riêng của mình.

- Về con chung: Ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn bà Trần Thị N*: Mặc dù bà N có biết được việc Tòa án thụ lý vụ án nhưng bà N không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về nội dung đơn xin ly hôn của ông T nên không có lời khai của bà N tại Tòa án.

Tại phiên tòa, N đơn ông Nguyễn Hữu T vẫn giữ N yêu cầu ly hôn và nuôi con của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N.

2. Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị N kết hôn là do tự nguyện yêu thương và đi đến hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/5/2002 là đúng quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, dẫn đến việc hai bên sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T xác định không còn tình cảm gì với bà N, không thể hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng nên ông mong muốn được ly hôn để chấm dứt mối quan hệ vợ chồng này.

Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: Ông T và bà N hiện tại đang sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau trong suốt một thời gian dài từ đầu năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều

lần mời các bên tham gia phiên hòa giải và có niêm yết các thủ tục tố tụng tại địa phương đối với bà N nhưng bà N không về tham dự, chứng tỏ bà N không có thiện chí muốn hòa giải với ông T nên khả năng đoàn tụ gia đình giữa ông bà không có. Như vậy, HĐXX có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T với bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của ông T.

3. Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Trần N Khôi, sinh ngày 26/5/2003 và Nguyễn Trần T Nghi, sinh ngày 14/9/2007. Ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung. Xét thấy, từ khi ông bà sống ly thân đến nay, các cháu Khôi và Nghi đều do ông T nuôi dưỡng, chăm sóc nên đã có cuộc sống ổn định. Trong suốt thời gian chuẩn bị xét xử, bà N không có mặt nên không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo cho các cháu không bị xáo trộn về môi trường sống và có xem xét về nguyện vọng cũng như quyền lợi mọi mặt của các cháu, HĐXX nghị nên chấp nhận yêu cầu của ông T; tiếp tục giao hai cháu Khôi và Nghi cho ông T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hợp lý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đang sự không có yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có tài sản chung, nợ chung của vợ chồng và không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của ông Nguyễn Hữu T.

5. Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 227, Điều 228 Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Nguyễn Hữu T được ly hôn với bà Trần Thị N.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Hữu T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần N Khôi, sinh ngày 26/5/2003 và Nguyễn Trần T Nghị, sinh ngày 14/9/2007 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Trong thời gian ông T nuôi dưỡng con chung, bà N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha (mẹ) các cháu hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0001336 ngày 19 tháng 11 năm 2020. Ông T không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Trần Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Thổ Sơn;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc